

Số: /BC - UBND

Hoài Nhơn, ngày tháng 01 năm 2025

**BÁO CÁO CÔNG KHAI THUYẾT MINH  
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NSNN  
TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ CẢ NĂM 2024**

Căn cứ Quyết định số 4568/QĐ-UBND ngày 10/12/2023 của UBND tỉnh Bình Định về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2023 của Hội đồng nhân dân thị xã khóa XII, kỳ họp thứ 9 về dự toán ngân sách địa phương năm 2024, UBND thị xã Hoài Nhơn đã ban hành Quyết định số 21280/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 về việc giao dự toán ngân sách địa phương năm 2024. Theo đó:

Tổng thu ngân sách nhà nước năm 2024 là: 1.250.003 triệu đồng

Tổng chi ngân sách địa phương năm 2024 là: 1.249.443 triệu đồng

UBND thị xã báo cáo công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước trên địa bàn thị xã cả năm 2024 theo chi tiết tại Phụ lục 01, 02, 03 đính kèm.

**I/ Về thu ngân sách nhà nước**

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thị xã cả năm 2024 là 2.162,696 tỷ đồng, đạt 173% so dự toán, tăng 23% so cùng kỳ. Trong đó, thu nội địa thực hiện 1.342,743 tỷ đồng, đạt 175% so dự toán, tăng 52% so cùng kỳ. Cụ thể như sau:

\* **Có 06 chỉ tiêu thu thực hiện đạt và vượt so dự toán giao như:** Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 222,431 tỷ đồng, đạt 103% so dự toán, tăng 17% so cùng kỳ; Thu lệ phí trước bạ: 32,405 tỷ đồng, đạt 105% so dự toán, tăng 3% so cùng kỳ; Thu phí, lệ phí: 21,394 tỷ đồng, đạt 222% so dự toán và tăng 50% so cùng kỳ; Các khoản thu về nhà, đất (bao gồm: thuế sử dụng đất nông nghiệp; thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; Thu tiền sử dụng đất; Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước): 946,854 tỷ đồng, đạt 205% so dự toán và tăng 79% so cùng kỳ; Thu khác ngân sách: 55,667 tỷ đồng, đạt 540% so dự toán và tăng 61% so cùng kỳ; Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác: 16,235 tỷ đồng, đạt 295% so dự toán và bằng 49% so cùng kỳ.

\* **01 chỉ tiêu thu chưa đạt so với dự toán giao như:** Thuế thu nhập cá nhân: 32,193 tỷ đồng, đạt 92% so dự toán, bằng 95% so cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu là do phát sinh hồ sơ hoàn thuế thu nhập cá nhân trong năm 2024 trên địa bàn thị xã khá cao so với năm trước; từ đó, đã làm giảm số thu thuế phải nộp ở chỉ tiêu này trong năm 2024.

## II/ Về chi ngân sách thị xã

Chi ngân sách thị xã cả năm 2024 là: 1.596,221 tỷ đồng, đạt 128% so dự toán năm, tăng 7% so cùng kỳ. Trong đó: Chi cân đối ngân sách 1.469,070 tỷ đồng, đạt 118% so dự toán, tăng 9% so cùng kỳ. Cụ thể như sau:

### 1. Chi đầu tư phát triển

Chi đầu tư phát triển 690,897 tỷ đồng, đạt 145% so dự toán, tăng 18% so cùng kỳ. Tăng chi đầu tư được bố trí tăng kế hoạch vốn năm 2024 từ các nguồn vốn như: nguồn tăng thu, tiết kiệm chi năm 2023 (68,7 tỷ đồng); từ nguồn bổ sung mục tiêu thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (9,064 tỷ đồng); ghi chi từ nguồn thu tiền thuê đất (21,5 tỷ đồng); tăng thu từ nguồn thu tiền sử dụng đất tại các xã, phường (113,7 tỷ đồng) để thực hiện thanh toán khối lượng hoàn thành các công trình, dự án trong năm.

### 2. Chi thường xuyên

Chi thường xuyên 776,433 tỷ đồng, đạt 104% so dự toán, tăng 2% so cùng kỳ. Tăng chi thường xuyên ngân sách thị xã năm 2024 chủ yếu là do ảnh hưởng bởi chính sách tăng tiền lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ đã làm tăng các chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức trên địa bàn<sup>1</sup>. Ngoài ra, Thị xã đã sử dụng 15,3 tỷ đồng từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách thị xã năm 2023 để thực hiện một số chính sách an sinh xã hội trên địa bàn<sup>2</sup>.

### 3. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu

Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu 127,151 tỷ đồng, tăng 1% so cùng kỳ. Trong năm, ngân sách tỉnh đã cấp bổ sung có mục tiêu cho ngân sách thị xã để thực hiện một số chương trình, mục tiêu trong năm như: Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo; Chi chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; Chi chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Chi chương trình phát triển Lâm nghiệp bền vững; Kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở năm 2024;...

Như vậy, về cơ bản chi ngân sách năm 2024 được điều hành hợp lý, bám sát dự toán đầu năm nhất là chi thường xuyên; công tác quản lý, điều hành ngân sách đã chủ động, tích cực, giữ vững cân đối ngân sách; tập trung nguồn lực để giải quyết kịp thời kinh phí chương trình mục tiêu, bảo đảm chính sách an sinh xã hội, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ và các hoạt động chính trị của địa phương. Xử lý kịp thời những bức xúc về nhu cầu vốn đầu tư phục vụ công tác GPMB để triển khai xây dựng các dự án. Thực hiện tốt cơ chế tự chủ về biên chế và kinh phí, phát huy tính chủ động của các đơn vị dự toán trong việc quản lý, sử dụng kinh phí, nâng cao ý thức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Các cơ quan, đơn vị, địa

<sup>1</sup> Tổng kinh phí thực hiện là (Khối thị xã: 50,754 tỷ đồng (trong đó, khối Giáo dục và Đào tạo: 46,536 tỷ đồng); Khối xã, phường: 24,050 tỷ đồng.

<sup>2</sup> Chi thực hiện kinh phí ủy thác qua Ngân sách Chính sách để hỗ trợ cho vay đối với hộ nghèo và hộ chính sách khác (6,606 tỷ đồng); Chi chức thọ, mừng thọ trên địa bàn các xã, phường; Hỗ trợ bảo hiểm y tế cho hộ cận nghèo và hộ làm nông - lâm - ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình.

phương đã linh hoạt, chủ động điều hành ngân sách cấp mình để xử lý kịp thời khi có những nhiệm vụ đột xuất, bức xúc xảy ra.

Trên đây là thuyết minh công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn cả năm 2024, UBND thị xã Hoài Nhơn báo cáo công khai theo quy định./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Sở Tài chính;
- Phòng TC-KH;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phạm Văn Chung**

**PHỤ LỤC 01: CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THỊ XÃ ĐẾN QUÝ IV NĂM 2024***ĐVT: Triệu đồng*

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	THỰC HIỆN ĐẾN QUÝ IV NĂM 2024	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>1.249.443</b>	<b>2.055.027</b>	<b>164</b>	<b>121</b>
<b>I</b>	<b>Thu cân đối NSNN</b>	<b>766.835</b>	<b>1.261.884</b>	<b>165</b>	<b>149</b>
1	Thu nội địa	766.835	1.261.884	165	149
2	Thu viện trợ	-	-		
<b>II</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>450.820</b>	<b>613.070</b>	<b>136</b>	<b>118</b>
<b>III</b>	<b>Thu tạo nguồn thực hiện CCTL tăng thêm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		<b>-</b>
<b>IV</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>	<b>31.788</b>	<b>173.701</b>	<b>546</b>	<b>54</b>
<b>V</b>	<b>Thu huy động, đóng góp</b>	<b>-</b>	<b>5.725</b>		<b>127</b>
<b>VI</b>	<b>Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên</b>	<b>-</b>	<b>546</b>		<b>315</b>
<b>VII</b>	<b>Thu kết dư ngân sách</b>		<b>101</b>		<b>40</b>
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ</b>	<b>1.249.443</b>	<b>1.596.221</b>	<b>128</b>	<b>107</b>
<b>I</b>	<b>Tổng chi cân đối ngân sách thị xã</b>	<b>1.249.443</b>	<b>1.469.070</b>	<b>118</b>	<b>109</b>
1	Chi đầu tư phát triển	477.973	690.897	145	118
2	Chi thường xuyên	747.689	776.433	104	102
3	Dự phòng ngân sách	23.781	1.740	7	0
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh</b>	<b>-</b>	<b>127.151</b>	<b>0</b>	<b>101</b>

**PHỤ LỤC 02: THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐẾN QUÝ IV NĂM 2024**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	Thực hiện quý IV năm 2024	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>1.250.003</b>	<b>2.162.696</b>	<b>173</b>	<b>123</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>767.395</b>	<b>1.342.743</b>	<b>175</b>	<b>152</b>
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước		6.352		139
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài		5.930		274
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	215.250	222.431	103	117
4	Thuế thu nhập cá nhân	35.000	32.193	92	95
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	30.900	32.405	105	103
7	Thu phí, lệ phí	9.645	21.394	222	150
8	Các khoản thu về nhà, đất	460.800	946.854	205	179
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>		14		
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	1.800	2.307	128	123
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	450.000	877.145	195	170
-	<i>Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>	9.000	67.388	749	659
-	<i>Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước</i>				
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
10	Thu khác ngân sách	10.300	55.667	540	161
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	5.500	16.235	295	49
12	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản		3.282		25
<b>II</b>	<b>Thu viện trợ</b>				
<b>III</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>450.820</b>	<b>613.070</b>	<b>136</b>	<b>118</b>
<b>III</b>	<b>Thu tạo nguồn thực hiện CCTL tăng thêm</b>				
<b>IV</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>	<b>31.788</b>	<b>173.701</b>	<b>546</b>	<b>54</b>
<b>V</b>	<b>Thu huy động, đóng góp</b>		<b>32.535</b>		<b>722</b>
<b>VI</b>	<b>Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên</b>		<b>546</b>		<b>2</b>

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	Thực hiện quý IV năm 2024	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
<b>VII</b>	<b>Thu kết dư ngân sách</b>		<b>101</b>		<b>40</b>
<b>B</b>	<b>THU NGÂN SÁCH THỊ XÃ ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>	<b>1.249.443</b>	<b>2.055.027</b>	<b>164</b>	<b>121</b>
<b>I</b>	<b>Thu cân đối ngân sách</b>	<b>766.835</b>	<b>1.261.884</b>	<b>165</b>	<b>149</b>
1	Từ các khoản thu phân chia	251.490	398.751	159	181
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	515.345	863.133	167	137
<b>II</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>450.820</b>	<b>613.070</b>	<b>136</b>	<b>118</b>
<b>III</b>	<b>Thu tạo nguồn thực hiện CCTL tăng thêm</b>	-	-		
<b>IV</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>	<b>31.788</b>	<b>173.701</b>	<b>546</b>	<b>54</b>
<b>V</b>	<b>Thu huy động, đóng góp</b>		<b>5.725</b>		<b>127</b>
<b>VI</b>	<b>Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên</b>		<b>546</b>		<b>315</b>
<b>VII</b>	<b>Thu kết dư ngân sách</b>		<b>101</b>		<b>40</b>

**PHỤ LỤC 03: CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ ĐẾN QUÝ IV NĂM 2024**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	Thực hiện quý IV năm 2024	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ</b>	<b>1.249.443</b>	<b>1.596.221</b>	<b>128</b>	<b>107</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THỊ XÃ</b>	<b>1.249.443</b>	<b>1.469.070</b>	<b>118</b>	<b>109</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>477.973</b>	<b>690.897</b>	<b>145</b>	<b>118</b>
1	Chi đầu tư cho các dự án	477.973	690.897	145	118
2	Chi đầu tư phát triển khác				
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>747.689</b>	<b>776.433</b>	<b>104</b>	<b>102</b>
	<i>Trong đó</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	391.747	419.501	107	126
2	Chi khoa học và công nghệ	280	263	94	96
3	Chi văn hóa thông tin thể thao	7.680	11.119	145	132
4	Chi sự nghiệp truyền thanh cấp xã	746	1.169	157	151
5	Chi bảo vệ môi trường	21.012	13.839	66	128
6	Chi hoạt động kinh tế	72.895	61.668	85	124
7	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	119.408	160.605	135	127
8	Chi bảo đảm xã hội	97.709	105.689	108	107
<b>III</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>23.781</b>	<b>1.740</b>	<b>7</b>	<b>105</b>
<b>B</b>	<b>CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN</b>	<b>-</b>	<b>127.151</b>		<b>101</b>
1	Chương trình mục tiêu quốc gia		24.619		139
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư		2.567		
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên		99.965		93